

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THỦY
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST

Ngày 23/04/2020

V/v “Kiện xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THỦY, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Cương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Xuân Thuỷ, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình
2. Bà: Nguyễn Thị Phượng, Bác sỹ Trung tâm y tế huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hà, thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 04 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/12/2019 về việc kiện “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐHPT-ST ngày 10 tháng 03 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐHPT-ST ngày 03 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1977

Địa chỉ: Xóm Sào, xã Đa Phúc, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Xóm Sào, xã Đa Phúc, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 03/12/2019, bản tự khai ngày 19/12/2019 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:

Chị Bùi Thị L và anh Bùi Văn T đăng ký kết hôn với nhau ngày 20/12/1997 tại Ủy ban nhân dân xã Đa Phúc, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống hai năm đầu vợ chồng sống hạnh phúc, bắt đầu từ năm 2000 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T không tu chí làm ăn, không chăm lo cho gia đình vợ con, thường xuyên ra ngoài uống rượu say rồi về nhà chửi mắng, đánh đuổi tôi rất nhiều lần, có lần chị phải bỏ đi nơi khác vài ngày để tránh xảy ra án mạng. Chị đã cố gắng chịu đựng, khuyên bảo anh T và mong anh T thay đổi để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh T vẫn không thay đổi, vẫn thường xuyên chửi mắng vô cớ, đánh đuổi chị ra khỏi nhà, bản thân chị không chịu đựng được nữa, vì vậy năm 2016 chị đã có đơn khởi kiện xin ly hôn gửi Tòa án huyện Yên Thủy, xin được ly hôn với anh T, Tòa đã phân tích hoà giải và anh T hứa sửa chữa khuyết điểm, đồng thời cam kết bằng văn bản tại tòa nên chị đã rút đơn khởi kiện cho anh T 01 cơ hội. Tuy nhiên sau khi vợ chồng về chung sống được 01 tháng, anh T lại tiếp tục thường xuyên uống rượu về chửi mắng chị vô cớ, bạo hành chị cả về thể xác lẫn tinh thần, xúc phạm cả anh em gia đình bên ngoại, đỉnh điểm là đêm ngày 24/8/2019 anh T đi thăm chị dâu họ uống rượu về chửi mắng chị, đập phá nhà cửa, hăm dọa giết chị.... Chị và anh T đã ly thân nhau từ tháng 8/2019 cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng cũng không hàn gắn được tình cảm. Bản thân chị nghĩ anh T không lo được cho cuộc sống vợ con, mọi việc lo toan trong gia đình chị phải gánh chịu và chị còn bị anh T bạo hành nên chị không thể chịu đựng được nữa, nay chị cũng không còn tình cảm với anh T nữa, chị đề nghị Tòa án huyện Yên Thủy giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn T.

Về con chung: Chị L, anh T có 01 con chung tên là Bùi Minh T1, sinh ngày 06/7/1999. Vợ chồng ly hôn cháu T1 đã trên 18 tuổi chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tài sản chung của vợ chồng gồm có:

- 01 Mảnh đất diện tích 1790,2m², số thửa 62, tờ bản đồ 60, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 206919, mang tên hộ ông Bùi Văn T và bà Bùi Thị L, cấp ngày 31/12/2013. Địa chỉ thửa đất tại xóm Mí, xã Đa Phúc, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình (Nay sát nhập đổi địa chỉ thành: Xóm Sào, xã Đa Phúc, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình)

- 01 Ngôi nhà xây mái bằng + bếp + công trình phụ khép kín, diện tích sử dụng khoảng 67m² nằm trên diện tích đất 1790,2m². Địa chỉ thửa đất tại xóm Mí, xã Đa Phúc, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình (Nay sát nhập đổi địa chỉ thành: Xóm Sào, xã Đa Phúc, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình).

- 01 Tivi Samsung màn hình 49 inch.
- 01 Tivi Sky Worth màn hình 32 inch.
- 01 Tủ lạnh Samsung
- 01 Tủ lạnh Daewoo
- 01 Máy giặt Panasonic 9kg
- 01 Điều hoà Aqua
- 01 Máy lọc nước
- 01 Tủ tường bằng gỗ
- 01 Tủ đựng quần áo bằng gỗ
- 01 Tủ đựng quần áo khung nhôm + nhựa
- 01 Kệ tivi
- 01 Bộ bàn ghế uống nước bằng gỗ
- 01 Bộ bàn ghế sân vườn bằng gỗ
- 01 Giường ngủ gỗ soan
- 01 Giường ngủ Vodec
- 01 Xe máy Lead
- 01 Xe máy Wave

Vợ chồng ly hôn chị L xin tự thoả thuận, chưa yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai các ngày 08/01/2010, 10/02/2020 anh Bùi Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình kết hôn đúng như lời trình bày của chị L còn cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc, chỉ thỉnh thoảng có cãi nhau, có lần anh tát chị L, chửi quát, đuổi chị L ra khỏi nhà nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Tuy nhiên anh và chị L đã ly thân nhau từ tháng 8/2019 cho đến nay, chị L đã lấy đồ đạc lên ở tại trường mầm non xã Đa Phúc, không về nhà. Từ khi chị L bỏ đi thì anh và chị L cũng không quan tâm đến nhau, anh đã xin chị L tha thứ nhưng chị L vẫn không về. Chị L cũng đã một lần làm đơn xin ly hôn với anh vào năm 2016 nhưng anh hứa sửa chữa khuyết điểm và làm bản cam kết nên vợ chồng về đoàn tụ. Nay chị L làm đơn xin ly hôn với anh thì anh không đồng ý, anh không muốn ly hôn, chị L muốn làm gì thì tùy chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung tên là Bùi Minh T1, sinh ngày 06/7/1999. Vợ chồng ly hôn cháu T1 đã trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh T thừa nhận khối tài sản chung của vợ chồng mà chị L đã kê khai là đúng. Vợ chồng ly hôn anh xin tự thỏa thuận.

Tại phiên tòa anh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do.

Trước phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Cho chị Bùi Thị L được ly hôn với anh Bùi Văn T

- Về con chung: Hiện nay cháu Bùi Minh T1 đã trưởng thành, khôn lớn đi làm việc và nuôi sống bản thân chị L, anh T không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

- Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Bùi Thị L khởi kiện xin ly hôn bị đơn anh Bùi Văn T, nơi cư trú của bị đơn tại huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục và xét xử vắng mặt anh Bùi Văn T theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Đây là vụ án kiện xin ly hôn được quy định tại khoản 1 điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Bùi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Xét về cuộc hôn nhân giữa chị L và anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình sống chung, giữa chị L và anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh T không tu chí làm ăn, chăm lo cho gia đình vợ con, thường xuyên ra ngoài uống rượu về nhà chửi mắng, đánh đuổi chị L ra khỏi nhà. Chị L và anh T đã ly thân nhau từ tháng 8/2019 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Như vậy đời sống chung của chị L, anh T đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T là phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L.

[3.2] *Về con chung*: Chị L, anh T có 01 con chung tên là Bùi Minh T1, sinh ngày 06/7/1999. Vợ chồng ly hôn cháu T1 đã trên 18 tuổi chị L và anh T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] *Về tài sản chung*: Chị L, anh T xin tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] *Về án phí*: Chị Bùi Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 53; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị L được ly hôn với anh Bùi Văn T.
2. Về con chung: Chị Bùi Thị L, anh Bùi Văn T có 01 con chung tên là Bùi Minh T1, sinh ngày 06/7/1999. Vợ chồng ly hôn cháu T1 đã trên 18 tuổi, đã thành niên, chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung: Chị L, anh T tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
4. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005963 ngày 03/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình. Chị L đã nộp đủ án phí.
5. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn chị Bùi Thị L có quyền làm đơn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Bùi Văn T vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Thi hành án;
- Viện kiểm sát;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Văn Cường

